



**BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG
VỤ CÔNG NGHIỆP**

**NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA NGHỊ QUYẾT 52-NQ/TW ,
NGÀY 27/9/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ
ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

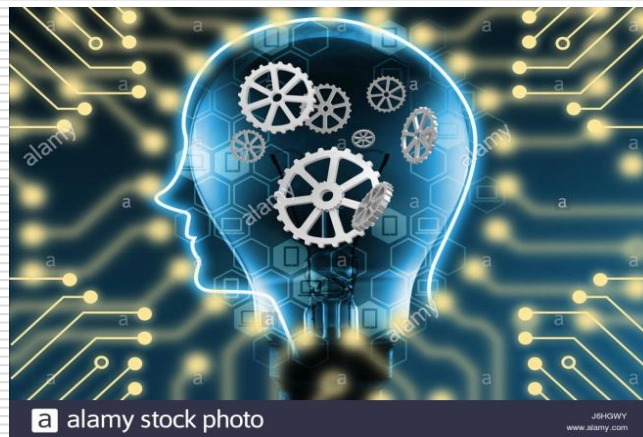


Hà Nội, tháng 12/2019

NỘI DUNG

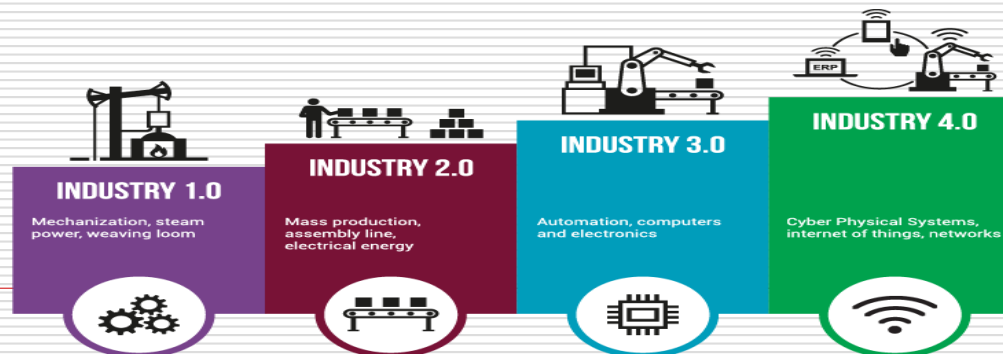
- NỘI DUNG CHỦ YẾU NGHỊ QUYẾT 52
 - TRAO ĐỔI VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
-

I- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT 52



NHẬN ĐỊNH CỦA ĐẢNG VỀ CMCN4.0

- CMCN 4.0 là một xu thế lớn đang diễn ra trên toàn thế giới với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ mà nòng cốt là công nghệ số làm thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đời sống văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh; tạo ra nhiều cơ hội và thách thức đối với tất cả các quốc gia.
- Có trên 40 nước xây dựng các chiến lược CMCN 4.0



TÁC ĐỘNG CỦA CMCN 4.0

- ❑ Dự báo tới năm 2030, CMCN 4.0 có thể thúc đẩy GDP tăng trưởng 28,5 tỷ - 62,1 tỷ USD so với kịch bản cơ sở, **tương đương mức tăng GDP 7%-16%**. GDP bình quân đầu người sẽ tăng thêm 315\$-640\$/người so với mức cơ sở vào năm 2030.
 - ❑ Giá trị tăng thêm ngành chế tạo là từ 7-14 tỷ USD, ngành nông nghiệp truyền thống là 4,9 tỷ USD, tài chính khoảng 3,5 tỷ USD, thông tin và truyền thông khoảng 2,5 tỷ USD, ngành điện khoảng 4,2 tỷ USD, khu **vực hành chính công sẽ tiết kiệm được 0,6 tỷ USD**.
 - ❑ Nhiều ngành kinh tế mới sẽ hình thành và có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế đất nước.
 - ❑ Nếu chuyển đổi số thành công, GDP đến năm 2045 của nước ta dự báo có thể **tăng thêm 168,6 tỷ đô la Mỹ, bình quân tác động đến tăng trưởng GDP hàng năm là khoảng 1,1%**.
 - ❑ Việc làm chịu tác động lớn
-

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- ❑ Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, **vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội**, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng;
 - ❑ Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại cả cơ hội và thách thức. Phải nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội, **bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới**. Chủ động phòng ngừa, ứng phó để hạn chế các tác động tiêu cực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn, công bằng xã hội và tính bền vững của quá trình phát triển đất nước.
-

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- ❑ Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ***yêu cầu phải đổi mới tư duy*** về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng, hoàn thiện thể chế cho phù hợp. ***Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo.*** Tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng ***không chủ quan, nóng vội, duy ý chí.***
- ❑ Phát huy tối đa các nguồn lực, ***bảo đảm đủ nguồn lực*** cho việc chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xác định ***nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài;*** nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, ***phát huy sức mạnh của toàn xã hội.***

NỘI HÀM CHỦ ĐỘNG THAM GIA CMCN4.0

Đảng ta xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là **phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.**



MỤC TIÊU TỔNG QUÁT và TÂM NHÌN

- ❑ **Mục tiêu tổng quát:** Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại **đề thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hoá đất nước;** phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên **khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao;** nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.
- ❑ **Tâm nhìn 2045:** Việt Nam trở thành một trong những **trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh,** trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á; có năng suất lao động cao, có đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

MỤC TIÊU CỤ THỂ 2025

- ✓ Duy trì xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc **3 nước dẫn đầu ASEAN**.
 - ✓ **Xây dựng được hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã.**
 - ✓ **Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP;**
 - ✓ Năng suất lao động tăng bình quân trên **7%/năm**.
 - ✓ Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.
 - ✓ **Thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN** trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc.
 - ✓ Có ít nhất **3 đô thị thông minh** tại 3 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung.
-

MỤC TIÊU CỤ THỂ 2030

- ✓ Duy trì xếp hạng về chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm **40 nước dẫn đầu thế giới**.
 - ✓ Mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp.
 - ✓ Kinh tế số chiếm **trên 30% GDP**;
 - ✓ Năng suất lao động tăng bình quân khoảng **7,5%/năm**.
 - ✓ Hoàn thành xây dựng **Chính phủ số**.
 - ✓ Hình thành **một số chuỗi đô thị thông minh** tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới
-

8 NHÓM CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH

1

Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của MTTQ, các tổ chức CT-XH

2

Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia

3

Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu

4

Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia

8 NHÓM CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH

5

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

6

Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên

7

Chính sách hội nhập quốc tế

8

Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội

II- NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH TNMT

- ❑ Ngành tài nguyên và môi trường là ngành **quản lý "không gian phát triển "của đất nước, gồm trên không, trên bề mặt (mặt đất, mặt biển), dưới lòng đất, dưới mặt biển (trong lòng biển, dưới đáy biển)**
 - ❑ Mọi hoạt động điều tra cơ bản, quản lý, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của ngành đều dựa trên kết quả thu nhận, phân tích, xử lý, tổng hợp thông tin.
 - ❑ Thông tin của ngành bao trùm toàn bộ không gian bốn chiều (lãnh thổ; theo thời gian). Việc xây dựng được một hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện về tài nguyên và môi trường và cơ chế để các tổ chức, cá nhân có thể khai thác, tiếp cận, sử dụng và tham gia đóng góp một cách rộng rãi trên cơ sở công nghệ, khả năng kết nối, phân tích, xử lý, chia sẻ của CMCN 4.0 là nhiệm vụ trọng tâm của ngành
-

CÁC MỤC TIÊU *(do ngành TNMT đề xuất)*

- (1) Xây dựng được cơ chế, chính sách và tổ chức triển khai thực hiện thu thập, tạo lập, quản lý toàn diện ***tài nguyên số về tài nguyên và môi trường***, phục vụ cho mục tiêu quản lý “không gian phát triển” của đất nước. Tạo lập hành lang pháp lý để *phát triển dịch vụ nội dung số về tài nguyên và môi trường*.
 - (2) Xây dựng ***Chiến lược tổng thể Tài nguyên số tài nguyên và môi trường*** đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035. Xây dựng Kế hoạch triển khai ***Chiến lược tổng thể Tài nguyên số tài nguyên và môi trường*** đối với từng lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến năm 2025.
-

CÁC MỤC TIÊU *(do ngành TNMT đề xuất)*

- (3) Đến năm 2025, 100% thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc được chuyển sang công nghệ số, hoàn thành toàn bộ quá trình chuyển đổi công nghệ thu nhận dữ liệu từ tương tự sang công nghệ số. Ứng dụng các phần mềm, mô hình chuyên dụng, trí tuệ nhân tạo, hệ chuyên gia trong xử lý, minh giải tài liệu, dự báo, cảnh báo, giám sát về tài nguyên và môi trường đạt tỷ lệ 95%. Từng bước làm chủ công nghệ, sáng tạo công nghệ mới, tạo ra các máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát về tài nguyên và môi trường.
 - (4) Hoàn thành và đưa vào sử dụng kiến trúc chính phủ điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường phù hợp với tiêu chuẩn Chính phủ điện tử của Việt Nam.
-

CÁC MỤC TIÊU *(do ngành TNMT đề xuất)*

- (5) Đến năm 2020, hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường được tích hợp đầy đủ trong hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia; kết nối không trực tuyến với các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường quốc tế và khu vực, đóng vai trò hạt nhân của hệ thống giám sát tài nguyên và môi trường quốc gia, tạo thành hạ tầng thông tin phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.
- (6) Đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực và thu hút đội ngũ chuyên gia khoa học và công nghệ các lĩnh vực tài nguyên và môi trường (trong đó có các chuyên gia về công nghệ thông tin) có khả năng nghiên cứu, sử dụng và làm chủ công nghệ tiên tiến trên thế giới. Đến năm 2020, 100% công chức, 95% viên chức thuộc Bộ TN&MT có đủ năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp nhận và xử lý các thông tin tự động, thực hiện được các quy trình xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường mạng.

CÁC MỤC TIÊU *(do ngành TNMT đề xuất)*

- (7) Tạo lập ***hệ sinh thái không gian số*** để các Viện, trường và các nhà khoa học về tài nguyên và môi trường trao đổi thông tin, làm việc trên môi trường mạng theo thời gian thực. Đến năm 2025, hình thành được hệ sinh thái không gian số khoa học và công nghệ tài nguyên và môi trường, là nơi trao đổi thông tin, chia sẻ tri thức, chuyển giao công nghệ, xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học và công nghệ về tài nguyên và môi trường.
-

CÁC NHIỆM VỤ

- Lĩnh vực Đất đai
 - Lĩnh vực Tài nguyên nước
 - Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản
 - Lĩnh vực Môi trường
 - Lĩnh vực Khí tượng thủy văn
 - Lĩnh vực Biển và Hải đảo
 - Lĩnh vực Đo đạc bản đồ
 - Lĩnh vực Viễn thám
 - Lĩnh vực Biến đổi khí hậu
-

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực đất đai

- ❑ - Hoàn thiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.
- ❑ - Xây dựng hệ thống đăng ký đất đai hiện đại, ứng dụng CNTT trong thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai.
- ❑ - Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát quản lý, sử dụng đất
- ❑ - Xây dựng hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu
- ❑ - Triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất bằng hình thức thẻ thông minh (smart card) tích hợp 5 trong 1 (quyền sử dụng đất, sở hữu nhà; thông tin căn cước công dân; thông tin tài khoản ngân hàng; thông tin bảo hiểm; thông tin y tế), trong đó lấy thông tin căn cước công dân là nền tảng tích hợp các thông tin còn lại;
- ❑ - Ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, giải pháp thông minh trong công tác điều tra cơ bản về đất đai; lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, giám sát quản lý, sử dụng đất; đo đạc bản đồ địa chính; giá đất;
- ❑ - Tăng cường năng lực thiết bị công nghệ: mua sắm các thiết bị truyền và xử lý dữ liệu, máy chủ, máy trạm, thiết bị kết nối mạng và lưu trữ dữ liệu lớn.

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực tài nguyên nước

- ❑ - Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát trên cơ sở công nghệ kết nối internet (IOT), các công nghệ tự động, thông minh trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra tài nguyên nước trong hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường.
- ❑ - Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển của lĩnh vực tài nguyên nước trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tích hợp, liên thông, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo đảm hiệu năng, cập nhật và cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tạo nền tảng hệ thống dịch vụ công tài nguyên nước hiện đại, thuận tiện.
- ❑ - Ứng dụng công nghệ xử lý, phân tích, mô phỏng xây dựng dự báo, điều tra, quản lý, điều phối, vận hành tài nguyên nước.
- ❑ - Xây dựng và triển khai nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và tự động hóa trong công tác quản lý, điều hành của lĩnh vực tài nguyên nước.

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

- ❑ - Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát trên cơ sở công nghệ kết nối internet (IOT), các công nghệ tự động, thông minh trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra tài nguyên nước trong hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường.
- ❑ - Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển của lĩnh vực tài nguyên nước trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tích hợp, liên thông, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo đảm hiệu năng, cập nhật và cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tạo nền tảng hệ thống dịch vụ công tài nguyên nước hiện đại, thuận tiện.
- ❑ - Ứng dụng công nghệ xử lý, phân tích, mô phỏng xây dựng dự báo, điều tra, quản lý, điều phối, vận hành tài nguyên nước.
- ❑ - Xây dựng và triển khai nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và tự động hóa trong công tác quản lý, điều hành của lĩnh vực tài nguyên nước.

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực môi trường

- ❑ - Xây dựng hệ thống thông tin môi trường quốc gia thống nhất từ Trung ương đến địa phương;
 - ❑ Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát trên cơ sở công nghệ kết nối internet (IOT), các công nghệ tự động, thông minh trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra môi trường trong hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường.
 - ❑ Xây dựng, triển khai, quản lý vận hành, khai thác, cập nhật một hệ thống thông tin/ cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia thống nhất đa mục tiêu, đa người dùng, tiên tiến, hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin.
 - ❑ Ứng dụng công nghệ xử lý, phân tích, mô phỏng xây dựng dự báo, ảnh hưởng, lan truyền, tác động và ứng phó với các vấn đề liên quan đến môi trường.
 - ❑ Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT đảm bảo kết nối dữ liệu từ địa phương lên Trung ương.
 - ❑ - Xây dựng, chuẩn hóa, tích hợp đồng bộ cơ sở dữ liệu môi trường thành phần của các tỉnh, thành phố đã lựa chọn trong Dự án vào cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia;
-

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực khí tượng thủy văn

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông trong công tác quản lý nhà nước của lĩnh vực, sớm xây dựng và ban hành được khung kiến trúc CPĐT trên cơ sở tiếp cận cuộc CMCN 4.0.
 - Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin chuyên ngành và hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu về mặt hạ tầng kỹ thuật của cuộc CMCN 4.0;
 - Đầu tư mở rộng và nâng cấp mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn tự động trên nền tảng IoT, bảo đảm thu nhận dữ liệu, điều khiển quá trình quan trắc, điều tra đo đạc chuyên ngành.
 - Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ Bigdata để xây dựng, quản lý và khai thác: CSDL khí tượng thủy văn quốc gia, áp dụng công nghệ số hóa, công nghệ nhận dạng để số hóa kho tư liệu KTTV dạng giấy. Cung cấp, chia sẻ thông tin, cảnh báo thời tiết nguy hiểm theo thời gian thực cho tổ chức, cá nhân và xã hội.
 - Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xử lý, phân tích, mô phỏng, trí tuệ nhân tạo trong việc hỗ trợ, dự báo và cảnh báo hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm.
 - Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ của cuộc CMCN 4.0 trong các hoạt động truyền tin; xử lý dữ liệu; cảnh báo, dự báo.
-

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực biển và hải đảo

- Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát trên cơ sở công nghệ kết nối internet (IOT), các công nghệ tự động, thông minh trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra tài nguyên môi trường biển - hải đảo trong hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường.
 - Xây dựng cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển của lĩnh vực trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tích hợp, liên thông, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo đảm hiệu năng, cập nhật và cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tạo nền tảng hệ thống dịch vụ công hiện đại, thuận tiện.
 - Ứng dụng công nghệ xử lý, phân tích, mô phỏng xây dựng dự báo, ảnh hưởng, lan truyền, tác động và ứng phó với các vấn đề liên quan đến tài nguyên môi trường biển - hải đảo; triển khai các nghiên cứu ứng dụng tổ hợp phương pháp Trí tuệ nhân tạo - GIS - Geomatic phân tích tài liệu địa chất - địa vật lý - địa hóa trong công tác khoanh vùng triển vọng đánh giá tiềm năng Gas Hydrate ở Việt Nam.
-

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực đo đạc bản đồ

- Xây dựng chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ giai đoạn 2020 - 2030 tầm nhìn 2050.
- Hiện đại hóa và hoàn thiện hạ tầng đo đạc bản đồ ở Việt Nam, bao gồm: hoàn thiện hệ quy chiếu quốc gia động, hệ tọa độ 4D, hệ thống trạm CORS, hệ độ cao Quốc gia trong đó có việc chuẩn hóa mô hình geoid Quốc gia phục vụ việc xác định độ cao chính xác theo mô hình GNSS:
- Hoàn thiện và liên tục cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia hiện đại, chính xác và bản đồ địa hình quốc gia, kịp thời phục vụ các nhu cầu của xã hội. Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (NSDI) phù hợp với chuẩn quốc tế, phục vụ quản lý và phát triển xã hội thông minh.
- Tăng cường năng lực thiết bị công nghệ: mua sắm các thiết bị bay, chụp ảnh kỹ thuật số, thiết bị quét lidar, thiết bị truyền và xử lý dữ liệu, máy móc, thiết bị kết nối mạng và lưu trữ dữ liệu lớn.
- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch triển khai thực hiện hạ tầng dữ liệu không gian địa lý VN; Xây dựng cơ chế, chính sách nguồn lực để thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch triển khai thực hiện hạ tầng dữ liệu không gian địa lý VN.

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực viễn thám

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc viễn thám dùng chung; các lĩnh vực chuyên ngành trên nền tảng công nghệ dữ liệu lớn, kết nối, tích hợp, quản lý và cung cấp, chia sẻ, công bố, công khai thông tin quan trắc tài nguyên và môi trường bằng viễn thám cho mọi đối tượng theo quy định.
 - Ứng dụng các công nghệ hiện đại trong tổng hợp, phân tích xử lý, mô phỏng thông tin, dữ liệu quan trắc viễn thám phục vụ các yêu cầu nghiệp vụ và hỗ trợ ra quyết định và phục vụ các nhu cầu quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
 - Đầu tư nâng cấp trạm thu ảnh viễn thám, hệ thống máy chủ, hạ tầng các trung tâm dữ liệu, hệ thống kết nối mạng, các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin dữ liệu.
-

CÁC NHIỆM VỤ: Lĩnh vực biến đổi khí hậu

- ❑ Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ Bigdata để xây dựng, quản lý và khai thác CSDL quốc gia về biến đổi khí hậu. Cung cấp, chia sẻ thông tin biến đổi khí hậu theo thời gian thực cho tổ chức, cá nhân và xã hội.
 - ❑ Xây dựng quản lý cổng thông tin về đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC): kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH gồm 68 nhiệm vụ.
 - ❑ Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xử lý, phân tích, mô phỏng, trí tuệ nhân tạo trong việc xây dựng dự báo, xây dựng kịch bản liên quan đến biến đổi khí hậu.
 - ❑ Xây dựng hệ thống giám sát quốc gia về BĐKH.
-

Trân trọng cảm ơn các quý vị đại biểu!
